

Bản án số 67/2018/DS-PT

Ngày 24 - 8 - 2018

V/v “Đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thiện

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hiếu

Ông Phạm Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh, Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thiên, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2018/TBTL-TA ngày 08/5/2018 về “Đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DSST ngày 21/3/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố X bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2018/QĐPT-DS ngày 28/6/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2018/QĐ-PT ngày 25/7/2018; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 50/2018/QĐ-PT ngày 21/8/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông TNH, sinh năm: 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Số 48/15/4 đường TC, phường TN, thành phố C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Bị đơn: Ông TNQ, sinh năm: 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp TN, xã CP, H. X, tỉnh BR-VT.

Địa chỉ liên lạc: Số 141 NVL, phường PN, Thành phố X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông TCN

Địa chỉ: Số 2400 LD, khu phố 4, phường PN, Thành phố X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà TĐHT, sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 1772 VNG, phường 12, thành phố C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bà NTNT, sinh năm: 1980 (vợ ông TNQ-vắng mặt)

Địa chỉ: Số 141 NVL, phường PN, Thành phố X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Công ty cổ phần sữa Bà Rịa - Vũng Tàu (VUTAMILK)

Địa chỉ trụ sở: Ấp 3, xã Tóc Tiên, huyện X, tỉnh BR-VT.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông TĐC - Tổng giám đốc (xin vắng mặt)

4. Ông ĐNT, sinh năm: 1978 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Tân Lễ A, xã CP, huyện X, tỉnh BR-VT.

5. Ông VVH, sinh năm: 1968 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 3, xã Tóc Tiên, huyện X, tỉnh BR-VT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, khởi kiện bổ sung và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông TNH trình bày:*

Ông và ông TNQ là bạn thân từ thời quân ngũ. Ông TNQ là Giám đốc kiêm Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty cổ phần sữa Vũng Tàu (nay là Công ty cổ phần sữa Bà Rịa - Vũng Tàu) (gọi tắt là công ty cổ phần sữa) từ năm 2010. Vì để hỗ trợ và giúp đỡ nhau, Ông và ông TNQ thống nhất việc Ông đến Công ty làm nhiệm vụ chuyên chở, giao sữa cho khách hàng. Sau khi Ông đảm nhận nhiệm vụ giao sữa được vài tháng thì do ông TNQ có nhu cầu cần người góp vốn vào Công ty, nên tháng 8/2013 ông TNQ gặp Ông và đặt vấn đề về việc cùng góp vốn vào Công ty thông qua việc ông TNQ sẽ chuyển nhượng lại cho ông một số cổ phần của ông TNQ có giá trị là 500.000.000 đồng, và Ông đã đồng ý.

Ngày 07/8/2013, tại Văn phòng Công ty, Ông giao cho ông TNQ khoản tiền 500.000.00 đồng. Sau khi giao tiền xong, ông TNQ nói do tuần này bận việc nên hẹn tuần sau sẽ đăng ký với Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho Ông với số cổ phần nói trên. Để ghi nhận sự việc, ông đã viết “*giấy xác nhận góp vốn*” đề ngày 07/8/2013, sau đó hai bên cùng ký và ông TNQ xác nhận bằng con dấu của Công ty vào văn bản này.

Ông xác định: Việc ông TNQ hứa tuần sau sẽ đăng ký với Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho Ông thể hiện tại “*giấy xác nhận góp vốn*” với nội dung: “Trong thời gian tới ông TNQ đăng ký tại Sở kế hoạch đầu tư tỉnh BR-VT cho ông TNH với số cổ phần nói trên”.

Sau hai tuần kể từ khi lập “giấy xác nhận góp vốn” nêu trên, Ông điện thoại nhắc nhở ông TNQ thực hiện cam kết thì ông TNQ khất lần là do đang bận. Đến tuần thứ ba ông TNQ tắt máy không liên lạc được. Ông đến Công ty và nhà riêng của ông TNQ ở nhưng cũng không gặp. Ông vẫn tiếp tục làm nhiệm vụ giao sữa được thời gian khoảng hơn 02 tháng nữa thì nghe thông tin là ông TNQ đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần có trong Công ty và giao Công ty lại cho ông TĐC quản lý. Lúc này Ông điện thoại liên lạc gặp được ông TNQ thì ông TNQ cho biết nay ở nhiều nơi khác nhau, không còn ở Công ty nữa. Ông dừng làm nhiệm vụ giao sữa và cho đến khi được người tư vấn về thời hiệu khởi kiện đòi lại khoản tiền 500.000.000 đồng thì Ông đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện X để yêu cầu ông TNQ trả lại khoản tiền 500.000.000 đồng nêu trên.

Trước khi góp vốn vào công ty thì có thời gian ông dự định vay tiền tín chấp của Ngân hàng nên ông đã nhờ ông TNQ ký hợp thức hóa một số giấy tờ để làm thủ tục vay nhưng Ông chưa nộp hồ sơ vay. Sau khi góp vốn vào Công ty thì tháng 10/2013, do có nhu cầu cần vay khoản tiền để mở cửa hàng lấy sữa của Công ty về bán, nên ông đã vay tín chấp của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng số tiền 100.000.000 đồng. Những giấy tờ ông TNQ ký hợp thức hóa trước đây được Ông nộp vào ngân hàng bao gồm: Quyết định bổ nhiệm Phó giám đốc, bảng lương các tháng 8, 9, 10/2013.

Ông TNQ nhận khoản tiền 500.000.000 đồng nhưng cho đến nay vẫn không làm thủ tục theo quy định cho Ông đối với số cổ phần đã nhận chuyển nhượng. Do vậy, nay khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông TNQ phải trả lại cho Ông số tiền 500.000.000 đồng, theo “*giấy xác nhận góp vốn*” ngày 07/8/2013, đồng thời buộc ông TNQ phải trả khoản tiền lãi của số tiền này tính từ ngày 07/8/2013 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 3,17%/tháng. Ông xác định là chỉ yêu cầu một mình ông TNQ phải trả tiền cho Ông, không yêu cầu Công ty và vợ của ông TNQ trả tiền.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ông xác định những giấy tờ ông TNQ ký hợp thức hóa cho Ông vay Ngân hàng thì không nhớ cụ thể thời gian. “*Giấy xác nhận góp vốn*” nêu trên không là điều kiện cần để Ông vay khoản tiền 100.000.000 đồng. Số tiền lãi buộc ông TNQ phải trả là 871.750.000 đồng.

- Ông TCN đại diện hợp pháp của bị đơn TNQ trình bày: Ông TNH và ông TNQ trước đây có thời gian tham gia quân ngũ cùng nhau nên biết nhau. Năm 2010, ông TNQ về làm Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần sữa. Ông TNH thường lui tới Cty chơi và làm công việc giao sữa cho Cty. Do ông TNH có nhu cầu làm đại lý sữa của Công ty nhưng không có vốn nên ông TNQ đồng ý hỗ trợ ông TNH vay tiền tín chấp tại Ngân hàng

thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng thông qua việc ông TNQ ký hợp thức hóa cho ông TNH một số giấy tờ sau:

Quyết định về việc bổ nhiệm phó giám đốc số 01- QĐBN/CTY ngày 01/5/2011; Bảng lương tháng 4/2013; Hợp đồng lao động ngày 01/5/2011 và Giấy xác nhận góp vốn đề ngày 07/8/2013.

Sở dĩ quyết định bổ nhiệm phó giám đốc, bảng lương và hợp đồng lao động được ký trước thời điểm lập “giấy xác nhận góp vốn” là vì ký lùi lại thời gian để tạo niềm tin cho Ngân hàng là ông TNH đã có thời gian kinh nghiệm làm việc tại Công ty.

Bị đơn không xác định được ông TNH có thời gian làm nhiệm vụ chuyên chở, giao sữa cho khách hàng Công ty, cũng không xác định được bối cảnh lập “*giấy xác nhận góp vốn*” nêu trên cụ thể như thế nào. Tuy nhiên, xác định được toàn bộ nội dung trong “*giấy xác nhận góp vốn*” nêu trên do ông TNH viết, ký và ghi rõ họ tên, sau đó giao cho ông TNQ đọc kiểm tra lại đồng ý ký tên, dùng con dấu của Công ty để xác nhận chữ ký của ông TNQ.

“*Giấy xác nhận góp vốn*” này là một trong các giấy tờ mà bị đơn ký hợp thức hóa để tạo điều kiện cho ông TNH cung cấp hồ sơ vay tại Ngân hàng, ngoài ra lập không có ý nghĩa, mục đích gì khác. Số tiền 500.000.000 đồng nói đến trong “*giấy xác nhận góp vốn*” chính là khoản tiền mà ông TNH phải góp vào để tăng cổ phần cho Công ty, nhưng trên thực tế ông TNH không có tiền, cũng không góp vào Công ty bất cứ khoản tiền nào, không có việc ông TNQ chuyển nhượng cổ phần cho ông TNH như ông TNH trình bày. Ông TNH chưa có ngày nào là nhân viên, thành viên của Công ty.

Nay trước yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung của ông TNH bị đơn không đồng ý. Bị đơn không có yêu cầu phản tố trong vụ án này.

- *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông TĐC đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần sữa Bà Rịa - Vũng Tàu (VUTAMILK) trình bày:

Tháng 11/2013, do thất bại trong kinh doanh, ông TNQ đã chuyển nhượng lại cho ông phần lớn cổ phần của ông TNQ trong Công ty. Do Ông là người chiếm giữ số cổ phần lớn nhất nên trở thành Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật, quản lý điều hành Công ty từ tháng 02/2014. Công ty đã làm thủ tục đăng ký, thay đổi lần 1 tại Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh BR-VT.

Khoảng năm 2015, Ông tiếp tục nhận chuyển nhượng lại toàn bộ số cổ phần còn lại của ông TNQ có trong Công ty. Tuy nhiên do sự biến động này không lớn nên Công ty chưa đăng ký thay đổi tại Sở kế hoạch - Đầu tư.

Thời điểm ông TNQ làm tổng giám đốc Công ty thì Ông không rõ Công ty hay cá nhân nào có chào bán, chuyển nhượng cổ phần hay không nhưng

trong toàn bộ hồ sơ lưu trữ tại Công ty không có văn bản nào thể hiện việc chào bán, chuyển nhượng cổ phần, ngoại trừ Ông nhận chuyển nhượng cổ phần từ ông TNQ như đã nêu trên.

Từ khi Ông giữ chức vụ Tổng giám đốc - Đại diện theo pháp luật của Công ty thì không có việc Công ty và cổ đông chào bán, chuyển nhượng cổ phần. Chỉ có một số thành viên góp thêm vốn vào Công ty và trở thành cổ đông. Các cổ đông cũ của Công ty vẫn giữ nguyên. Ông TNQ sau khi chuyển nhượng lại toàn bộ cổ phần cho ông thì không còn liên quan gì đến Công ty.

Thời điểm năm 2014, ông TNH có mua sản phẩm sữa của Công ty để làm đại lý phân phối tại thành phố C. Tuy nhiên ông TNH không giữ bất kỳ chức vụ gì trong Công ty. Thời gian khoảng 05 đến 06 tháng thì ông TNH nghỉ không làm đại lý nữa. Thời điểm ông TNQ là Tổng giám đốc thì Ông không biết ông TNH có giữ chức vụ gì trong Công ty hay không nhưng trong hồ sơ lưu trữ thì ông TNH không liên quan gì đến Công ty. Trong tất cả các cuộc họp cổ đông cũng không có sự tham gia của ông TNH.

Đối với “*Giấy xác nhận góp vốn*” ngày 07/8/2013 thì Ông không biết, không nghe ai nói về văn bản này và không biết về nội dung đề cập.

Nay Công ty có quan điểm như sau:

Nếu có sự việc ông TNQ chuyển nhượng cổ phần cho ông TNH thì chỉ là giao dịch cá nhân giữa hai người. Việc chuyển nhượng này không thông qua hội đồng cổ đông, không thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Ông TNQ đã sử dụng con dấu của Công ty xác nhận vào giấy tay nêu trên là không đúng quy định. Do vậy, ông TNQ phải tự chịu trách nhiệm cá nhân về giao dịch của mình. Trong vụ án này Công ty không liên quan, không có tranh chấp hay yêu cầu gì nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

2. Ông ĐNT trình bày:

Ông là thành viên góp vốn của Công ty từ khi thành lập cho đến nay. Khi thành lập Công ty thì ông TNQ là người đại diện theo pháp luật. Sau này ông TNQ chuyển nhượng toàn bộ cổ phần cho ông TĐC. Quá trình hoạt động của Công ty không chào bán cổ phần, chỉ có ông TNQ chuyển nhượng cổ phần cho ông Cường. Ngoài ra Ông không biết có cá nhân nào chuyển nhượng cổ phần hay không. Tuy nhiên Ông không thấy cuộc họp nào thông qua việc có cổ đông nào chuyển nhượng cổ phần ngoài ông TNQ.

Đối với “*Giấy xác nhận góp vốn*” ngày 07/8/2013 thì Ông không biết và cũng không nghe ai nói về văn bản này.

Ông xác định: Ông TNH trước đây thỉnh thoảng có lui tới Công ty với tư cách là bạn của ông TNQ. Sau này không thấy đến Công ty nữa. Trong một số

cuộc họp cổ đông của Công ty có đề cập đến việc một số người muốn góp vốn nhưng chưa bao giờ đề cập đến việc ông TNH góp vốn hay làm việc tại Công ty. Ông không biết có việc ông TNH có góp vốn vào Công ty hay không.

Ông cho rằng: Trường hợp có sự việc ông TNQ chuyển nhượng cổ phần cho ông TNH thì chỉ là giao dịch cá nhân giữa hai người, không thông qua hội đồng cổ đông, không đúng trình tự thủ tục pháp lý nên ông TNQ tự chịu trách nhiệm về giao dịch của mình. Trong vụ án này Công ty không liên quan, không có tranh chấp, yêu cầu gì nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

3. Ông VVH trình bày:

Ông là thành viên góp vốn của Công ty từ khi thành lập cho đến nay. Mọi ý kiến của ông đúng như ông ĐNT đã trình bày. Ông TNQ sau khi chuyển nhượng lại toàn bộ cổ phần cho ông Cường thì không còn liên quan gì đến công ty. Tất cả những lần thay đổi này đều có tổ chức họp cổ đông và lập biên bản họp cổ đông.

Quá trình hoạt động, Công ty không chào bán cổ phần. Chỉ có ông TNQ chuyển nhượng cổ phần cho ông Cường. Ngoài ra ông không biết có cá nhân nào chuyển nhượng cổ phần hay không. Tuy nhiên ông không thấy cuộc họp nào thông qua việc có cổ đông nào chuyển nhượng cổ phần ngoài ông TNQ.

Đối với “Giấy xác nhận góp vốn” ngày 07/8/2013, Ông có quan điểm: Trước đây (không rõ thời gian), ông có nghe ông TNQ nói là ông TNH có góp vốn vào Công ty và thực tế có thấy ông TNH vào Công ty làm việc một thời gian ngắn với công việc chuyên chở nguyên liệu sữa. Còn việc ông TNH có góp vốn hay không thì không rõ vì không thấy thông qua nội dung này.

Trong vụ án này Ông không có tranh chấp hay yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

4. Bà TĐHT:

Bà Tâm là vợ của ông TNH và hai người đã ly hôn theo Bản án số: 04/2017/HNST ngày 20/01/2017 của Tòa án nhân dân thành phố C. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu bà Tâm đến làm việc nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

5. Bà NTNT:

Bà NTNT là vợ của ông TNQ, đồng thời cũng là thành viên góp vốn của Công ty vào thời điểm ông TNQ xác lập “giấy xác nhận góp vốn”. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu Bà NTNT đến làm việc nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DSST ngày 21/3/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố X đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông TNH.

Buộc ông TNQ phải hoàn trả cho ông TNH số tiền 500.000.000đồng, theo “giấy xác nhận góp vốn” ngày 07/8/2013. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về trả số tiền lãi suất theo yêu cầu của ông TNH.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, tiền án phí và tiền lãi suất chậm trả tiền trong giai đoạn thi hành án.

Ngày 02/4/2018, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu sửa Bản án sơ thẩm số 07/2017/DSST ngày 21/3/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố X, bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung, đồng thời cho rằng: Vì quá tin tưởng vào tình cảm bạn bè nên đã vay mượn tiền bạc cùng góp vốn với ông TNQ để kinh doanh sữa, nhưng đã bị ông TNQ lừa dối. Nhiều lần ông TNQ hứa sẽ trả lại tiền cho Ông nhưng rồi cũng không thực hiện, nên dẫn đến việc nợ nần của Ông ngày càng chồng chất. Hoàn cảnh kinh tế vốn đã khó khăn nay lại càng khó khăn hơn, thiệt hại về kinh tế do ông TNQ gây ra đến ngày hôm nay là rất lớn. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc ông TNQ phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền đã nhận góp vốn và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

Đại diện của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng:

Việc khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở, bởi lẽ: Ông TNH có hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn, khi muốn vay Ngân hàng 100.000.000đồng để mở đại lý sữa bán nhưng không có vốn và đã nhờ ông TNQ lúc đó là Giám đốc Cty sữa Vũng Tàu là người thân lập bộ hồ sơ giả gồm Quyết định bổ nhiệm Phó giám đốc Công ty sữa, bảng lương, hợp đồng lao động và giấy xác nhận có khoản tiền góp vốn 500.000.000đồng vào Công ty sữa để Ngân hàng tin tưởng mà cho vay. Thực tế thì hiện nay ông TNH vẫn còn nợ của Ngân hàng chưa trả hết. Đáng lẽ ông TNH phải biết ơn ông TNQ là người đã cứu mang, tạo điều kiện giúp đỡ Ông trong lúc khó khăn mới đúng. Ngược lại ông TNH lại lấy chứng cứ là giấy xác nhận góp vốn giả tạo nêu trên khởi kiện ông TNQ là điều không thể chấp nhận được. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm và bác đơn khởi kiện của ông TNH.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến như sau:

+ Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông TCN là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ tranh chấp:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Nga được lập đúng thủ tục và còn trong thời hạn quy định, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông TNH khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông TNQ trả lại cho Ông số tiền 500.000.000 đồng, theo “*giấy xác nhận góp vốn*” ngày 07/8/2013 và tiền lãi của số tiền này. Thời điểm TAND huyện X thụ lý yêu cầu khởi kiện vào ngày 02/11/2015 khi Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chưa có hiệu lực. Do vậy, xác định quan hệ tranh chấp cần được giải quyết là “tranh chấp đòi lại tài sản” theo quy định tại Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 33 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 sửa đổi bổ sung năm 2011.

Bị đơn có nơi cư trú tại Thành phố X, TAND huyện X đã chuyển vụ án cho TAND Thành phố X thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là các ông bà: NTNT, TĐHT đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Đối với yêu cầu về việc đòi lại số tiền 500.000.000 đồng:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông TNH cung cấp “*giấy xác nhận góp vốn*” ngày 07/8/2013. Quá trình giải quyết vụ án và tại các phiên tòa, ông TNH và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đều thừa nhận toàn bộ chữ viết trong giấy xác nhận này là do ông TNH viết, ông TNH giao cho ông TNQ đọc và đồng ý, sau đó cả hai ký tên ghi rõ họ tên vào cuối văn bản.

Ông TNQ sử dụng con dấu của Công ty đóng vào phần chữ ký của mình, nên văn bản này được xem là chứng cứ hợp pháp.

Ông TNH cho rằng, Ông đã giao cho ông TNQ số tiền 500.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng từ ông TNQ số cổ phần tại Công ty. Ngược lại, người đại diện của bị đơn lại cho rằng ông TNQ ký và ghi rõ họ tên vào “*giấy xác nhận góp vốn*” ngày 07/8/2013 chỉ nhằm mục đích để tạo điều kiện hợp thức hóa hồ sơ cho ông TNH vay tiền tín chấp tại Ngân hàng, không có việc ông TNH góp vốn 500.000.000 đồng vào Công ty, không có việc ông TNQ chuyển nhượng số cổ phần có giá 500.000.000đ cho ông TNH.

Mặc dù lời trình bày của ông TNH không được bị đơn thừa nhận, giữa ông TNH và ông TNQ không có biên bản giao nhận số tiền 500.000.000 đồng, cũng không có xác nhận của ông TNQ về việc ông TNH đã thanh toán đủ số tiền nhận chuyển nhượng. Tuy nhiên, qua xác minh của Tòa án tại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng thì hồ sơ Ngân hàng xét để cho ông TNH vay không cần phải có “*giấy xác nhận góp vốn*” nêu trên. Mặt khác, tại “*giấy xác nhận góp vốn*” ngày 07/8/2013 do ông TNQ xác nhận có nội dung “*...Tôi là TNQ, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc CTCP sữa Vũng Tàu. Nay tôi đồng ý bán số cổ phần là 500.000.000 (Năm trăm triệu đồng) cho ông TNQ, ngụ tại ... Trong thời gian tới ông TNQ làm thủ tục đăng ký tại Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho ông TNH với số cổ phần nói trên....*”

Như vậy, nội dung cam kết của ông TNQ dẫn chiếu đến các quy định của pháp luật về điều kiện, trình tự, thủ tục chuyển nhượng cổ phần, có đủ cơ sở để xác định giữa ông TNQ và ông TNH có việc chuyển nhượng cổ phần cho nhau và giữa các bên đã hoàn tất việc chuyển nhượng (thanh toán đủ số tiền nhận chuyển nhượng), đúng như lời trình bày của ông TNH. Việc người đại diện theo ủy quyền của ông TNQ cho rằng “*giấy xác nhận góp vốn*” ông TNQ ký chỉ để hợp thức hóa hồ sơ cho ông TNH vay tiền tại Ngân hàng là không có cơ sở. Vì, nếu ông TNQ ký chỉ để tạo điều kiện cho ông TNH làm thủ tục vay tiền Ngân hàng thì không cần thiết phải có sự cam kết ràng buộc trách nhiệm của ông TNQ đối với ông TNH. Chỉ khi có việc chuyển nhượng cổ phần giữa hai bên thì ông TNQ mới phải có trách nhiệm cam kết thực hiện nghĩa vụ của chính mình theo quy định. Việc ông TNQ không thực hiện thủ tục đăng ký tại Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho ông TNH với số cổ phần nói trên mà lại chuyển nhượng cho ông TĐC vào tháng 11/2013 là lỗi thuộc về ông TNQ.

Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án xác định được việc ông TNQ chuyển nhượng cổ phần cho ông TNH chưa tuân thủ đúng điều kiện, trình tự,

thủ tục theo quy định của pháp luật. Do vậy việc ông TNQ chuyển nhượng cổ phần nói trên là việc riêng cá nhân giữa ông TNQ và ông TNH, không liên quan đến Công ty cổ phần sữa Bà Rịa - Vũng Tàu. Theo hồ sơ vụ án thì cho đến nay ông TNQ vẫn chưa thực hiện thủ tục đăng ký tại Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đối với phần góp vốn của ông TNH. Do vậy, ông TNQ phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với ông TNH về khoản tiền 500.000.000 đồng đã cam kết chuyển nhượng cổ phần cho ông TNH nhưng không thực hiện.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông TNH về việc đòi lại ông TNQ số tiền 500.000.000 đồng là có cơ sở, cần được chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu về việc trả tiền lãi:

Ông TNH yêu cầu Tòa án buộc ông TNQ trả khoản tiền lãi của số tiền 500.000.000 tính từ ngày 07/8/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/3/2018) được tính tròn là 871.750.000 đồng.

Xét thấy; ý chí của ông TNH giao số tiền 500.000.000 đồng cho ông TNQ là để góp vốn vào Công ty thông qua việc nhận chuyển nhượng cổ phần từ ông TNQ nhưng thực tế số tiền này ông TNQ sử dụng, không có chứng cứ đã đưa vào hoạt động của Công ty, điều này đã được ông TNH thừa nhận trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Giữa ông TNQ và ông TNH không xác lập quan hệ vay tài sản, các bên không thỏa thuận với nhau về lãi suất nên không phát sinh lãi. Do vậy yêu cầu này không có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định, nên cấp phúc thẩm không xem xét lại.

[2.4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông TNQ phải chịu toàn bộ theo quy định.

Các nội dung khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự,
Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 07/2018/DSST ngày 21/3/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố X.
- Căn cứ Khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông TNH về việc “Đòi tài sản” đối với ông TNQ theo “giấy xác nhận góp vốn” ngày 07/8/2013.

Buộc ông TNQ phải hoàn trả cho ông TNH số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu) đồng, theo “giấy xác nhận góp vốn” ngày 07/8/2013.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông TNH về việc yêu cầu ông TNQ trả khoản tiền lãi suất 871.750.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định nên cấp phúc phẩm không xem xét lại.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông TNQ phải chịu 300.000đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001310 ngày 02/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố X (do ông Nga nộp), nên ông TNQ đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (Ngày 24/8/2018).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND Tp. X;
- CCTHA DS Tp. X;
- CCTHA DS TX C
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đoàn Ngọc Thiện